CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: *KHS-COM-OD18/2023*	*Kiên Giang, ngày 18 tháng 04 năm 2023*
V/v công bố giải trình báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2023	

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: KHS
- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988
- E-mail: info@kihuseavn.com
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố: ☑ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2023 tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**** Tài liệu đính kèm:***
Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người UQ CBTT

M.S.D.N: 1700339752 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG
H. CHÂU THÀNH - T. KIÊN GIANG

Nguyễn Ngọc Anh

Signature Not Verified
Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng
Ký ngày: 18/4/2023 14:50:02

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: 05/2023/KH-CBTT	*Kiên Giang, ngày 18 tháng 04 năm 2023*
V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất Quý 1/2023	

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 - B5, đường số 1, KCN Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3838009 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3838009 Fax:
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ yêu cầu ☑ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2023, chênh lệch từ 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 1 năm 2023 và Quý 1 năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Qúy 1/2023	Qúy 1/2022		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**184,350,212,739**	**251,371,811,128**	**(67,021,598,389)**	**(26.66)**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2,774,440	7,459,060	(4,684,620)	(62.80)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**184,347,438,299**	**251,364,352,068**	**(67,016,913,769)**	**(26.66)**
4. Giá vốn hàng bán	11	178,049,132,168	219,891,176,448	(41,842,044,280)	(19.03)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**	**6,298,306,131**	**31,473,175,620**	**(25,174,869,489)**	**(79.99)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,407,837,081	1,861,823,479	(453,986,398)	(24.38)
7. Chi phí tài chính	22	4,681,064,409	3,612,266,367	1,068,798,042	29.59
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*	*4,466,335,105*	*3,576,100,655*	890,234,450	24.89
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	3,678,019,280	10,714,762,539	(7,036,743,259)	(65.67)

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,010,803,683	5,251,029,952	(240,226,269)	(4.57)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**	**(5,663,744,160)**	**13,756,940,241**	**(19,420,684,401)**	**(141.17)**
12. Thu nhập khác	31	922,363,636	4,960,430,977	(4,038,067,341)	(81.41)
13. Chi phí khác	32	633,442,508	5,028,198,432	(4,394,755,924)	(87.40)
14. Lợi nhuận khác	**40**	**288,921,128**	**(67,767,455)**	**356,688,583**	**526.34**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**(5,374,823,032)**	**13,689,172,786**	**(19,063,995,818)**	**(139.26)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**	**(5,374,823,032)**	**13,689,172,786**	**(19,063,995,818)**	**(139.26)**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	**61**	(2,567,631,325)	13,316,507,472	(15,884,138,797)	(119.28)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2,807,191,707)	372,665,314	(3,179,857,021)	(853.27)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**(212)**	**991**	**(1,203)**	**(121.39)**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**(212)**	**991**	**(1,203)**	**(121.39)**

Hiệu quả SXKD Quý 1 năm 2023 theo BCTC hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ Lỗ (cùng kỳ Lãi). Nguyên nhân như sau:

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ : LỖ ; cùng kỳ LÃI , *(xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2023)*
- Công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki) từ lãi chuyển sang lỗ:

Nguyên nhân lỗ của công ty con:

- Doanh thu quý 1/2023 giảm so với quý 1/2022 là do tình hình suy thoái kinh tế của các nước nhập khẩu, làm giảm nhu cầu nhập khẩu surimi .
- Chi phí tài chính tăng 12% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do lãi suất ngân hàng tăng cao so với cùng kỳ.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2023 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Qúy 1/2023	Qúy 1/2022		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	29,331,720,699	87,923,725,686	(58,592,004,987)	(67)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**	**29,331,720,699**	**87,923,725,686**	**(58,592,004,987)**	**(67)**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	31,511,860,667	79,021,396,960	(47,509,536,293)	(60)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**	**(2,180,139,968)**	**8,902,328,726**	**(11,082,468,694)**	**(124)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	334,271,334	725,756,567	(391,485,233)	(54)
7. Chi phí tài chính	22	751,731,475	673,811,147	77,920,328	12
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	*750,245,975*	*669,782,405*	*80,463,570*	*12*
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	1,618,754,436	6,667,851,007	(5,049,096,571)	(76)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,308,649,891	1,478,514,080	(169,864,189)	(11)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)- (25+26)}	**30**	**(5,525,004,436)**	**807,909,059**	**(6,332,913,495)**	**(784)**
12. Thu nhập khác	31		203,090,909	(203,090,909)	(100)
13. Chi phí khác	32	203,958,231	250,458,510	(46,500,279)	(19)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	**(203,958,231)**	**(47,367,601)**	**156,590,630**	**331**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**	**(5,728,962,667)**	**760,541,458**	**(6,489,504,125)**	**(853)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	**60**	**(5,728,962,667)**	**760,541,458**	**(6,489,504,125)**	**(853)**

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 1 năm 2023 Lỗ (cùng kỳ Lãi).

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: http://www.kihuseavn.com/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

M.S.D.N: 1700339752 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG H. CHÂU THÀNH - T. KIÊN GIANG

NGUYỄN NGỌC ANH